

Xây dựng hoạt động nói ứng khẩu phù hợp với sinh viên tiếng Anh không chuyên trong Chương trình tiếng Anh Cơ sở

Lê Thị Thu Huyền

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
Đường Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam
Email: huyen.le.thu@gmail.com

TÓM TẮT: *Kỹ năng nói ứng khẩu (nói về một chủ đề hoàn chỉnh mà không có hoặc có rất ít thời gian chuẩn bị) là kỹ năng nhiều người học ngoại ngữ, đặc biệt là ngoại ngữ không chuyên còn yếu. Trong số các hoạt động nói sử dụng trong lớp học ngoại ngữ, hoạt động nói ứng khẩu chưa nhận được nhiều sự chú ý từ phía giảng viên trong khi kỹ năng này đem lại rất nhiều lợi ích cho người học như rèn phản xạ nói, thúc đẩy sự tự tin khi nói trước đám đông, phát triển kỹ năng giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Bài viết cung cấp một cái nhìn tổng quan về kỹ năng nói ứng khẩu, cũng như đề xuất cách thức tiến hành hoạt động nói ứng khẩu và các tiêu chí đánh giá bài nói của sinh viên trong lớp học ngoại ngữ không chuyên. Ngoài ra, dựa trên những khó khăn của sinh viên khi nói ứng khẩu, tác giả bài viết đề xuất một vài gợi ý cho giảng viên khi tiến hành hoạt động này trên lớp.*

TỪ KHÓA: *Nói ứng khẩu; hoạt động nói; lớp học ngoại ngữ; đánh giá bài nói ứng khẩu.*

→ Nhận bài 15/12/2018 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/03/2019 → Duyệt đăng 25/03/2019.

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng (KN) nói, theo Rudder (1999), là một trong những mục tiêu quan trọng nhất trong việc dạy học ngôn ngữ, bởi đây là KN vô cùng cần thiết để tồn tại trong giao tiếp bối cảnh hội nhập toàn cầu. Do vậy, việc thụ đắc KN nói được coi là một trong những ưu tiên hàng đầu trong quá trình dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nhiều hoạt động nói được giảng viên đưa vào sử dụng trong lớp học để tăng cường khả năng nói cho người học, có thể kể đến như *thuyết trình, thảo luận, diễn kịch, ...* Không giống như các hình thức nói mà người học có sự chuẩn bị từ trước, *hoạt động nói ứng khẩu* (nói không có/rất ít thời gian chuẩn bị) là một trở ngại lớn đối với người học ngoại ngữ, đặc biệt là người học tiếng Anh không chuyên. Tuy nhiên, hoạt động này chưa nhận được nhiều sự chú ý trong lớp học tiếng Anh không chuyên bởi ba lí do chính sau:

Thứ nhất, nói ứng khẩu mới chỉ dừng lại trong lớp học dưới dạng thức không chính thức, tức là giảng viên đặt câu hỏi và sinh viên (SV) trả lời. Tuy nhiên, câu hỏi và câu trả lời thường rất ngắn (câu hỏi chỉ về một ý nhỏ và câu trả lời thường dưới dạng một hoặc một vài câu chữ không phải là một bài nói hoàn chỉnh từ phía người học). Ví dụ:

- Giảng viên: *How often do you go to the cinema?*
- SV: *I go to the cinema once a month.*

Thứ hai, qua khảo sát và phỏng vấn các giảng viên đang giảng dạy môn Tiếng Anh Cơ sở 1-2 cho SV năm thứ nhất hệ Chất lượng cao Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Các giảng viên này cho rằng, SV của mình còn yếu về KN nói nên việc áp dụng hoạt động nói ứng khẩu dưới dạng thức chính thống (SV nói về một chủ

đề trong vòng vài phút) dường như là quá sức đối với nhiều em.

Thứ ba, do hạn chế về mặt thời lượng học trên lớp so với khối lượng kiến thức trong lịch trình giảng dạy. Thực tế, một số giảng viên tiến hành hoạt động nói theo các hình thức: Hoạt động nói theo cặp, theo nhóm hoặc cá nhân trên tinh thần xung phong hoặc chỉ định. Đôi khi có những chủ đề, giảng viên chỉ có thể hướng dẫn cách triển khai ý trước cả lớp mà không đủ thời gian để tất cả các cá nhân đều được thực hành nói. Trên thực tế, hoạt động nói ứng khẩu (hiểu theo nghĩa chặt chẽ nhất) gần như chưa được áp dụng trong giờ học nói. Bài viết này nêu lên lợi ích của KN nói ứng khẩu đối với người học. Theo đó, chúng tôi giới thiệu về hoạt động nói ứng khẩu trong lớp học ngoại ngữ: Cách thức tiến hành và các tiêu chí đánh giá một bài nói ứng khẩu. Thêm vào đó là một vài lưu ý dành cho giảng viên khi tiến hành hoạt động nói trong lớp học ngoại ngữ không chuyên được đề xuất dựa trên những khó khăn của người học khi nói ứng khẩu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nói ứng khẩu

2.1.1. Định nghĩa

Nói ứng khẩu là sự diễn đạt, cấu trúc và trình bày ý và quan điểm của người nói khi không có hoặc có ít thời gian chuẩn bị. Hình thức nói ứng khẩu xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau và trong nhiều bối cảnh khác nhau: Trong giao tiếp hằng ngày, trong cuộc họp, phỏng vấn xin việc, thi hùng biện, hay trong bối cảnh lớp học khi giảng viên đặt câu hỏi và người học được gọi trả lời. Tuy nhiên, nói ứng khẩu với tư cách là một hoạt động nói được tổ

chức trong lớp học ngoại ngữ cần được hiểu theo nghĩa khắt khe hơn. Đó là một bài nói ứng khẩu hoàn chỉnh với ba phần: Mở bài, thân bài và kết bài về một chủ đề nào đó, được thể hiện bởi người học trong một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút) với ít hoặc không có sự chuẩn bị trước khi nói. Bài viết sử dụng thuật ngữ nói ứng khẩu theo nghĩa này.

2.1.2. Lợi ích của kĩ năng nói ứng khẩu

Như đã đề cập ở trên, nói ứng khẩu có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức. Dù ở phạm vi lớn hay nhỏ, được tổ chức một cách trang trọng như trong cuộc thi hay không chính thống, thì việc thụ đắc KN nói ứng khẩu có thể mang lại nhiều lợi ích cho người nói. Rõ ràng, nếu người học có khả năng nói ứng khẩu, đó sẽ là một lợi thế rất lớn. Các lợi ích của KN nói ứng khẩu được Menguin (2008) liệt kê như sau: Cải thiện cách diễn đạt suy nghĩ của bản thân thông qua hình thức nói; Phát triển sự tự tin khi nói trước đám đông; Suy nghĩ và phản ứng nhanh về một vấn đề; Phát triển KN lãnh đạo; Phát triển KN giao tiếp.

Việc tổ chức hoạt động nói ứng khẩu trên lớp học ngoại ngữ theo đó sẽ đem lại nhiều lợi ích cho người học. Trước tiên, thông qua hoạt động này, SV phát triển KN ứng khẩu - không hoặc ít có sự chuẩn bị trước - từ đó cũng tăng khả năng phản ứng nhanh nhạy trong giao tiếp bằng tiếng Anh. Đây đồng thời là KN khá cần thiết trong đời sống thường ngày. Thứ hai, hoạt động giúp SV phát triển KN tư duy, sắp xếp khái niệm, ý tưởng (ý chính và ý bổ trợ) thành một bài nói hoàn chỉnh có đầy đủ ba phần: Mở bài, thân bài và kết bài. Các KN ngôn ngữ cần thiết trong giao tiếp như sử dụng từ ngữ, phương tiện nối câu, ... cũng được tăng cường. Ngoài ra, thông qua hoạt động nói ứng khẩu, SV cũng được rèn sự tự tin, KN nói trước đám đông, qua đó chuẩn bị cho việc thực hiện những bài trình bày dài hơi hơn sau này cũng như việc tham gia vào các hoạt động nói khó, phức tạp hơn.

2.2. Nói ứng khẩu với tư cách là một hoạt động nói trên lớp

2.2.1. Một số quy ước về hoạt động nói ứng khẩu trong lớp học

Chúng tôi đề cập một số lưu ý về cách thức tổ chức hoạt động nói ứng khẩu trong lớp học tiếng Anh không chuyên như sau.

- **Chủ đề:** Các chủ đề được lựa chọn làm đề bài cho bài nói ứng khẩu cần nằm trong lịch trình giảng dạy. Chủ đề có thể là một câu nói, trích dẫn, thành ngữ nổi tiếng, yêu cầu người nói nêu nhận định hay dẫn chứng; hay có thể là một vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội gây nhiều tranh cãi, đòi hỏi người nói bộc lộ quan điểm cá nhân. Đơn giản hơn, trong phần 2 của bài thi IELTS hay một số câu hỏi cho phần 1 của bài thi TOEFL iBT, chủ đề có thể chỉ kiểm tra KN miêu tả của người nói như: Tả người, tả vật, tả sự kiện, ... Tùy theo chủ đề hay KN nói trọng tâm của bài học mà giảng viên có thể chuẩn bị chủ đề phù hợp. Các câu hỏi impromptu speaking trong một buổi học chỉ nên xoay quanh một chủ đề lớn. Chỉ khi giảng viên tổ chức một cuộc thi impromptu

speaking thì lúc đó mới cần nhắc việc đa dạng hóa chủ đề.

- **Gợi ý cho sẵn:** Tùy vào trình độ của SV mà giảng viên có thể cung cấp hoặc không cung cấp các gợi ý (suggested ideas) dưới dạng gạch đầu dòng hoặc hình ảnh. Với đối tượng người học trình độ tiếng Anh còn yếu hoặc khi mới tổ chức hoạt động nói ứng khẩu, giảng viên có thể cung cấp gợi ý cho sẵn và sau này tăng dần độ khó của đề nói.

- **Thời gian chuẩn bị:** Do đặc thù của nói ứng khẩu là không có hoặc có ít thời gian chuẩn bị nên giảng viên có thể đặt ra quy định của hoạt động nói ứng khẩu tùy theo trình độ của người học và tùy theo thời gian cho phép. Thời gian chuẩn bị nên dưới 2 phút để đảm bảo được ý nghĩa của hoạt động nói ứng khẩu. Giảng viên có thể linh hoạt bằng cách cho nhiều thời gian chuẩn bị hơn vào những tuần đầu tiên giới thiệu hoạt động này và hạn chế thời gian chuẩn bị khi về những tuần cuối của chương trình học.

- **Thời gian cho mỗi bài nói ứng khẩu:** Người học được yêu cầu nói về chủ đề được bắt thăm trong khoảng thời gian từ 2-3 phút. Do đặc thù của hoạt động nói ứng khẩu là nói theo cá nhân nên khi tiến hành hoạt động này với toàn bộ số SV trong lớp, hoạt động này cũng chiếm khá nhiều thời gian. Lí tưởng nhất là lớp học với sĩ số khoảng 15 SV. Tuy nhiên, với sĩ số lớp đông hơn, giảng viên có thể phân bổ thời gian ở các buổi khác nhau, tạo điều kiện cho tất cả SV có cơ hội tham gia hoạt động này.

2.2.2. Quy trình tổ chức hoạt động nói ứng khẩu

Dưới đây là một đề xuất về quy trình tổ chức một hoạt động nói ứng khẩu trong lớp học ngoại ngữ:

- SV được gọi bất kì lên bắt thăm chủ đề của mình.
- SV chuẩn bị trong thời gian cho phép.
- SV trình bày bài nói ứng khẩu trong thời gian cho phép.
- Nên có một time-keeper (người bấm giờ). Người này ngồi phía dưới và có nhiệm vụ giơ bảng thời gian hoặc ra hiệu để báo hiệu cho người nói. Có thể có 2 lần báo hiệu: Khi còn 30 giây nữa là hết giờ hoặc/và khi hết thời gian nói.
- Phần nhận xét: Đây là phần đánh giá có thể đến từ 3 phía: 1/ SV tự nhận xét bài nói của bản thân (Self-correction); 2/ Các SV khác nhận xét phần trình bày của bạn (Peer correction); 3/ Giảng viên đưa ra nhận xét (Teacher correction). Đó là lí tưởng, tuy nhiên, do thời gian hạn chế nên thường chỉ có phần nhận xét từ phía giảng viên. Tùy thời gian cho phép và số lượng SV mà phần nhận xét diễn ra ngay sau phần trình bày của SV hay vào cuối buổi. Sau một học kì với những lần thực hiện bài nói ứng khẩu trước lớp, người học sẽ thấy được sự tiến bộ của mình hay chưa, tự nhận ra được điểm mạnh và điểm cần khắc phục trong phần trình bày nói của mình.

2.3. Các tiêu chí đánh giá một bài nói ứng khẩu

Nói ứng khẩu chính là một hình thức nói trước đám đông, do vậy, các tiêu chí đánh giá một bài nói ứng khẩu cũng chính là các thành tố chính của một bài nói trước công chúng. Một bài nói ứng khẩu chính là một hoạt động giao

tiếp bao gồm ba thành phần: Người nói, thông điệp và khán giả. Khi nói trước đám đông, người nói muốn truyền tải thông điệp của mình tới người nghe - người có quyền quyết định xem liệu rằng thông điệp đó có thuyết phục hay không. Nhìn chung, một bài nói ứng khẩu hiệu quả cần đạt được các yêu cầu sau đây:

1/ Cách thức tổ chức bài nói: Một bài nói được tổ chức tốt bao gồm 3 phần cơ bản: Mở bài, thân bài và kết luận.

2/ Thông tin trình bày phù hợp, đúng chủ đề là điều quan trọng đối với một bài nói ứng khẩu.

3/ Hướng đến khán giả: Một bài nói tốt cần lấy khán giả làm trung tâm.

4/ Gắn kết cảm xúc: Một diễn giả thành công có khả năng hoá thân vào bài nói và truyền tải cảm xúc cho khán giả.

Trình bày hiệu quả: Cả KN ngôn ngữ và phi ngôn ngữ sẽ giúp tạo nên một bài diễn thuyết hiệu quả.

5/ KN quản lý thời gian: Một diễn giả giàu kinh nghiệm có thể phân bổ thời gian hợp lý giữa các phần (Mở bài, thân bài, kết bài) (Hsieh, 2006). Ngoài ra, tổ chức Future Educators Association (2008) đã phát triển một bảng đánh giá bài nói ứng khẩu gồm bốn mục chính, với mỗi tiêu chí cụ thể được nêu ra trong mỗi mục. Nhìn chung, những tiêu chí này tương đối nhất quán với các tiêu chí được nêu ra bởi Hsieh (2006) phía trên.

Nội dung và cách thức tổ chức bài nói: Giống như các hình thức nói khác, một bài nói ứng khẩu cần có một cấu trúc cân bằng với ba phần cơ bản: Mở bài, thân bài và kết bài. *Phần mở bài*, ngoài việc đưa ra câu chủ đề (thesis) thì cần thu hút được sự chú ý và quan tâm của người nghe (Gregory, 1996). Giảng viên có thể hướng dẫn SV một vài phương pháp bắt đầu bài nói thu hút sự chú ý như trong viết luận như đặt câu hỏi, nêu một thông tin gây ngạc nhiên, trích dẫn một câu nói phù hợp, kể một chuyện hoặc kinh nghiệm bản thân, đề cập đến những tin tức cập nhật. Mở đầu trôi chảy và thu hút người nghe sẽ giúp cho SV tự tin hơn với phần trình bày nội dung chính. Tuy nhiên, nếu thời lượng của bài nói ứng khẩu ít, người nói có thể mở bài một cách ngắn gọn bằng cách trả lời rõ ràng chủ đề của bài nói. *Phần thân bài* chứa các ý chính cùng những chứng cứ hoặc các ý phụ hỗ trợ. Gregory (1996: 3) gợi ý tổ chức thân bài bằng cách đưa ra hai đến ba ý chính để giải thích hoặc chứng minh cho ý chủ đạo và phát triển mỗi ý chính đó nhờ vào các ví dụ, thống kê hoặc trích dẫn ý kiến chuyên gia. Trong *phần kết bài*, người nói được khuyến khích tổng kết các ý chính đã nêu và kết thúc bài nói bằng một lí lẽ vững chắc xoay quanh ý chính của bài nói.

Cách thức trình bày: Cách thức trình bày bài nói ứng khẩu bao gồm giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Về giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn nói, bất cứ diễn giả nào cũng cần thể hiện được cử chỉ, cách di chuyển, dáng đứng, giao tiếp bằng mắt và biểu đạt khuôn mặt một cách tự nhiên, hiệu quả. Người nói nên thể hiện *cử chỉ và cách di chuyển (gestures and movement)* một cách tự nhiên và phù hợp với nội dung; tuy nhiên, cần tránh những cử chỉ vô nghĩa hoặc gây hiểu lầm (Gregory, 1998: 330-331 &

Gregory, 1996:4). Về *dáng bộ (posture)*, người nói nên đứng thẳng, thể hiện sự tự tin và thoải mái khi thuyết trình (Gregory, 1996: 4). Ngoài ra, *giao tiếp bằng mắt (eye contact)* một cách tự nhiên cũng là một thành tố quan trọng khác trong một bài nói bởi nó (1) tạo ra một sự liên kết giao tiếp và tương tác giữa người nói và người nghe, (2) thể hiện sự chân thành, và (3) giúp người nói biết được khi nào cần giải thích lại phần nói khi có sự bối rối thể hiện trên nét mặt người nghe (Gregory, 1998:327). Góp phần vào tính hiệu quả của bài nói là *biểu đạt khuôn mặt (facial expressions)* tự nhiên và hợp lí của người trình bày bài nói. Dựa trên nét mặt của người nói, khán giả có thể nhận thấy được sự nhiệt huyết của người nói khi truyền tải thông điệp.

Ngoài ra, khi trình bày một bài nói trước đám đông, người nói cần nói với *giọng nói (voice)* rõ ràng, mạch lạc. *Ám lượng (volume)* cần hợp lí và phù hợp với diện tích phòng cũng như số lượng khán giả. *Ngữ điệu (intonation)* cũng tạo cho ngôn ngữ một giai điệu đặc trưng, nếu thiếu ngữ điệu thì chắc chắn người nói không thể nhấn mạnh được nội dung quan trọng cần biểu đạt. Ngoài ra, *mức độ trôi chảy (fluency)* cũng đóng vai trò quan trọng trong một bài nói ứng khẩu thành công, thể hiện qua *tốc độ nói (rate of speaking)* phù hợp và có *sự ngừng nghỉ (pauses)* hợp lí. Tốc độ nói vừa phải giúp khán giả dễ dàng nắm bắt và thấm thấu thông tin. Sự ngừng nghỉ (pauses), theo Gregory (1998:323-324), là yếu tố có lợi bởi nó tạo ra khoảng trống thời gian để người nói lựa chọn từ vựng phù hợp, đồng thời giúp nhấn mạnh ý quan trọng đang được nói tới. Sự ngừng nghỉ là điều dễ hiểu trong một bài nói ứng khẩu và khán giả sẽ không chê trách điều này (Gregory, 1998: 324). Tuy nhiên, người nói nên có chiến lược trong bài nói của mình khi cần ngừng nghỉ bằng cách sử dụng các dấu hiệu diễn ngôn như “like”, “you know”, “well”, ... thay vì chỉ “uh,” “er,” “um” bởi sẽ làm phân tâm quá trình nghe hiểu của khán giả. Những yếu tố trên liên quan tới tác phong trình bày giúp xây dựng hình ảnh một người nói ứng khẩu tự tin và nhiệt huyết, từ đó tạo ấn tượng tốt cho khán giả.

Ngôn ngữ: Khả năng sử dụng ngôn ngữ của người nói được thể hiện qua việc lựa chọn *từ vựng (vocabulary)* phù hợp, *ngữ pháp (grammar)* chính xác và *phát âm (pronunciation)* đúng.

Thời gian: Khái niệm thời gian trong nói ứng khẩu bao gồm thời gian chuẩn bị và thời gian nói. Người nói cần biết tận dụng thời gian chuẩn bị để vạch ra các ý chính và ý hỗ trợ mình dự định nói. Trong quá trình nói, người nói cần phân bổ thời lượng cho từng phần (mở bài, thân bài và kết bài) và cần hoàn thành bài nói trong khoảng thời gian cho phép (không quá thời gian và cũng không thừa quá nhiều thời gian trong bài nói của mình). Việc đánh giá bài nói của SV có ảnh hưởng lớn đến quá trình học tập của SV. Nó cho phép SV ghi lại những gì họ đã học được về bài nói của mình: Điểm mạnh/ điểm yếu của phần trình bày của họ dựa vào các tiêu chí trên. Do vậy, giảng viên cần ghi lại nhận xét và đánh giá dành cho phần trình bày của người học dựa trên những tiêu chí như đã giới thiệu ở trên.

2.4. Những khó khăn của sinh viên không chuyên khi tham gia nói ứng khẩu

Qua hai học kì áp dụng hoạt động nói ứng khẩu đối với SV không chuyên tiếng Anh hiện đang học năm thứ nhất Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội kết hợp với kết quả khảo sát trong nghiên cứu của Hsieh (2006), dưới đây chúng tôi liệt kê một số khó khăn các người học thường gặp phải khi tham gia nói ứng khẩu:

2.4.1. Kiến thức nền về chủ đề còn hạn chế

Một số chủ đề như *Charity (Từ thiện)* hay *Volunteering (Tình nguyện)* dường như là những chủ đề còn mới mẻ với SV do các em chưa có cơ hội trải nghiệm trực tiếp với những hoạt động này hoặc chưa đọc rộng nhiều liên quan đến chủ đề. Một số SV cũng tỏ ra không hứng thú với những chủ đề không thuộc về sở thích hoặc độ tuổi của mình như *Agriculture (Nông nghiệp)* hay *Economics (Kinh tế)*.

2.4.2. Không đủ vốn từ vựng và cấu trúc câu

Từ vựng và cấu trúc câu luôn là một khó khăn với người học ngoại ngữ. Vấn đề này không nằm ở số lượng từ vựng và cấu trúc mà người học sở hữu, mà phụ thuộc vào khả năng người học có thể nhớ được bao nhiêu từ và dùng được nó vào trong những tình huống giao tiếp thực tế. Cách học từ vựng, cấu trúc truyền thống bằng cách ghi chép lại nhiều lần từ hay cấu trúc muốn học kèm theo nghĩa tiếng Việt đã hạn chế khả năng ghi nhớ của người học trong thời gian dài và dễ làm họ rối trong mê cung từ vựng do chính họ tạo ra. Do đó, khi bước vào một tình huống giao tiếp cụ thể, người học thường lúng túng khi cố gắng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh của từng từ sau đó ghép thành câu để nói.

2.4.3. Khó khăn trong việc tổ chức bài nói

Mỗi nền văn hóa có cách tư duy riêng. Cách tư duy của một người cũng quyết định anh ta sẽ nói như thế nào. Người phương Đông trong đó có người Việt Nam có cách tư duy rất khác so với cách của các quốc gia nói tiếng Anh. Khi nói về một chủ đề, nhiều người châu Á thường nói vòng quanh, trong khi đó người Mỹ lại đi thẳng vào vấn đề (Kaplan, 1966: 15). Do ảnh hưởng văn hóa tư duy, lại chưa nắm rõ sự khác biệt về mặt cấu trúc của các ngôn ngữ, SV châu Á thường dùng lối tư duy vòng tròn đó để diễn đạt ý tưởng bằng tiếng Anh. Kết quả là bài nói của họ có tính liên kết kém, thiếu logic và thiếu rõ ràng đối với người bản ngữ.

2.5. Một số gợi ý cho giảng viên khi sử dụng hoạt động nói ứng khẩu trong lớp

2.5.1. Tăng cường hoạt động đọc mở rộng

Đọc mở rộng (extensive reading) là phương pháp đọc nhằm khuyến khích học viên tiếng Anh nói chung và người học nói riêng nâng cao KN đọc, vốn từ và kiến thức nói chung. Việc khuyến khích và tăng cường hoạt động đọc mở rộng giúp giải quyết hai khó khăn của SV được nhắc đến ở trên là: Yêu kiến thức nền và vốn từ vựng.

Kiến thức nền chính là nền tảng của việc tra dồi và nâng

cao tiếng Anh nói chung và KN nói nói riêng. Nếu không vững kiến thức nền thì không thể nào nâng cao trình độ tiếng Anh được. Trước mỗi buổi học, giảng viên có thể yêu cầu SV đọc mở rộng về chủ đề của buổi học rồi tóm tắt lại nội dung chính của chủ đề đó.

Sự thực là nếu không có ngữ pháp, rất ít thông tin có thể được truyền đạt, nhưng nếu không có từ vựng, không một thông tin nào có thể được truyền đạt cả. Do vậy, từ vựng là phần quan trọng không kém trong việc tạo nên một bài nói ứng khẩu thuyết phục. Giảng viên nên khuyến khích SV mở rộng vốn từ bằng cách khuyến khích SV tích cực nghe và đọc mở rộng nhiều loại tài liệu, chủ đề để tiếp nhận từ và các sắc thái ý nghĩa khác nhau của từ. Sau đó, giảng viên tổ chức thảo luận ngay về những chủ đề đó để SV có thể dùng ngay những từ đã học. Theo đó, người học vừa có thể mở rộng được kiến thức nền, cũng như tăng cường vốn từ vựng và cấu trúc câu thuộc chủ đề đó.

2.5.2. Luyện tập cho sinh viên lập dàn ý tổ chức bài nói

Một trở ngại khác của người học khi thực hiện bài nói ứng khẩu là cách sắp xếp lập dàn ý cho bài nói của mình. Do vậy, khi giới thiệu hoạt động nói ứng khẩu, giảng viên cần hướng dẫn và đưa một vài ví dụ cho SV về cách trình bày ý trong tiếng Anh và cấu trúc của bài nói với ba phần: Mở đầu, thân bài, kết luận. Cho SV viết dàn ý là một thực hành hiệu quả. Giảng viên cho cả lớp một chủ đề, ban đầu cho SV nhiều thời gian để suy nghĩ và viết dàn ý, sau đó gọi một vài SV lên trình bày. Khi SV đã quen thì sẽ giảm dần thời gian chuẩn bị. Dưới đây là một vài ý tưởng về cách lập dàn ý cho từng yêu cầu của bài nói mà giảng viên có thể hướng dẫn SV:

Phương pháp 4P (Point, Past, Present, Future): Phương pháp này được áp dụng cho phần thân bài khi chủ đề yêu cầu người nói bình luận một vấn đề nào đó.

- Point (Chỉ ra): Người nói bày tỏ quan điểm (Mở đầu).
- Past (Quá khứ): Nêu ra vấn đề đó trong quá khứ.
- Present (Hiện tại): Trình bày về vấn đề đó ở hiện tại.
- Future (Tương lai): đưa ra dự đoán tương lai.

Phương pháp PREP (Point, Reason, Example, Point): Khi chủ đề yêu cầu người nói bày tỏ quan điểm, người nói có thể dùng đến phương pháp PREP:

- Point (Chỉ ra): Người nói bày tỏ quan điểm (Mở đầu).
- Reason (Nguyên nhân): Nêu ra các nguyên nhân giải thích cho quan điểm (Thân bài).
- Example (Ví dụ): Đưa các ví dụ chứng minh cho các nguyên nhân (Thân bài).
- Point (Chỉ ra): Người nói nhấn mạnh quan điểm của mình và kết nối với phần mở đầu (Kết luận).

Một số phương thức tổ chức ý khác:

- Nguyên nhân, hệ quả, giải pháp.
- Điểm giống, điểm khác.
- Điểm tích cực, tiêu cực, trung gian.
- Định nghĩa, ví dụ.

Ngoài ra, giảng viên có thể hướng dẫn SV cách đặt các câu hỏi *what, where, when, how, why* để phát triển ý. SV

được khuyến khích sử dụng nhiều nguồn thông tin để lấy hỗ trợ cho ý cần diễn đạt, như kinh nghiệm cá nhân, quan điểm cá nhân, truyện, câu nói hài hước và thông tin thực tế để minh họa cho bài nói ứng khẩu của mình.

2.5.3. Chiến lược sửa lỗi

Giảng viên cần quân bình giữa phản hồi tích cực và tiêu cực. Giảng viên không nên chỉ nhận xét lỗi sai trong bài trình bày của người học mà cần nêu lên những ưu điểm để tránh làm người học mất tự tin. Lời phản hồi tích cực nên đi trước lời phản hồi tiêu cực. Ngoài ra, giảng viên cần bám sát vào những mục tiêu đã được đề ra để đánh giá và từ đó phản hồi. Trong phần nhận xét, giảng viên không nên đòi hỏi người học những gì nằm ngoài mục tiêu của bài học. Giảng viên cũng không cần vội sửa những lỗi sai gần như không thể tránh được ở những người học trình độ còn thấp. Cuối cùng, mục tiêu chính của phản hồi là giúp người học tiến bộ và duy trì động cơ học tập chứ không phải để họ chán nản và mất tự tin.

3. Kết luận

Thực tế cho thấy, đa số SV thích sự an toàn khi thuyết trình, bởi khi thuyết trình các em có nhiều sự chuẩn bị. Đối với nhiều người học tiếng Anh không chuyên, một số em

còn viết sẵn phần “kịch bản” (script) và học thuộc cho buổi thuyết trình. Kết quả là nhiều phần nói không được tự nhiên và điều này cũng không rèn cho các em có được phản ứng nhanh nhạy trước các tình huống. KN nói ứng khẩu (impromptu speaking) có lẽ là một trong những KN gây khó khăn nhiều nhất cho người học ngoại ngữ, đặc biệt là ngoại ngữ không chuyên. Bài viết đã nêu lên tầm quan trọng của KN nói ứng khẩu và nhấn mạnh sự cần thiết của việc tăng cường KN này cho người học ngoại ngữ. Đặc biệt, với người học ngoại ngữ không chuyên và tùy thuộc vào năng lực của người học, giảng viên có thể tùy chỉnh hoạt động này sao cho phù hợp. Như đã nói ở trên, giảng viên có thể bắt đầu giới thiệu hoạt động này bằng cách cho người học thêm thời gian chuẩn bị và/hoặc cho gợi ý trong đề bài. Sau đó, giảng viên tăng dần thử thách cho SV bằng cách bỏ đi thời gian chuẩn bị và/hoặc chỉ đưa ra câu hỏi trong đề bài mà không cung cấp các ý cho sẵn. Thực tế tiến hành hoạt động nói ứng khẩu có thể sẽ có những khó khăn riêng tùy vào điều kiện thời gian và đặc thù của mỗi nhóm lớp. Các nghiên cứu trong tương lai có thể đi sâu khai thác về hoạt động nói ứng khẩu này ở một số khía cạnh khác như: Khảo sát tính hiệu quả của hoạt động này dưới góc độ của người học; từ đó, hoạt động nói này có thể được điều chỉnh và áp dụng rộng rãi trong Chương trình học môn Tiếng Anh Cơ sở.

Tài liệu tham khảo

- | | |
|--|--|
| <p>[1] Future Educators Association, (2008), <i>Judges' Rating Sheet - Impromptu Speech</i>, Retrieved from http://www.pdkintl.org/fea/feaconf09/Improm_Speak.pdf</p> <p>[2] Gregory, H., (1996), <i>Public Speaking for College and Career</i> (4th Ed.), New York: McGraw-Hill.</p> <p>[3] Gregory, H., (1998), <i>Public Speaking for College and Career</i>, 5th ed, New York: McGraw-Hill.</p> <p>[4] Hsieh, S., (2006), <i>Problems in preparing for the English impromptu speech contest: The case of Yuanpei Institute</i></p> | <p><i>of Science and Technology in Taiwan, RELC Journal</i> (Sage), 37(2), 216–235.</p> <p>[5] Kaplan, R.B., (1966), <i>Culture Thought Patterns in Intercultural Education</i>, Language Learning, 16 (1&2), 1-20.</p> <p>[6] Menguin, J.,(2008), <i>Speaking off the cuff</i>, Retrieved from http://www.scribd.com/doc/2026294/Speaking-Off-the-Cuff</p> <p>[7] Rudder, M.E.,(1999), <i>Eliciting Student-Talk, English Teaching Forum</i>, 37, (2), 24-25.</p> |
|--|--|

DEVELOPING AN IMPROMPTU SPEAKING ACTIVITY IN GENERAL ENGLISH COURSES IN ENGLISH NON-MAJOR CLASSROOMS

Le Thi Thu Huyen

University of Languages and International Studies
Vietnam National University, Hanoi
Pham Van Dong, Cau Giay district, Hanoi, Vietnam
Email: huyen.le.thu@gmail.com

ABSTRACT: *Impromptu speaking (talking about a topic in a few minutes' time with little or no prior preparation) is probably one of the skills that poses numerous obstacles to a number of English language learners, especially non-majors. Due to its nature, strong ability in impromptu speaking helps improve learners' oral expression of thought, boost confidence in public speaking, enhance communication skills and develop their leadership skills. Despite its significant advantages, an activity that promotes impromptu speaking does not seem to be paid adequate attention to in English as a foreign language (EFL) classrooms. This article provides an overview of impromptu speaking skill and proposes a way of implementing the activity for English non-majors. Criteria on how to evaluate an impromptu speech are also shed light on in the article. Furthermore, based on learners' difficulties in delivering an impromptu speech, several suggestions are made to the teachers when applying the activity in class.*

KEYWORDS: Impromptu speaking; speaking activity; EFL classroom; evaluating an impromptu speech.